

Bản án số: 171/2022/DS-ST

Ngày: 12/7/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Kim YẾN

2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân quận T – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 về: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2022/QĐST – DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường N, phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc M.

(có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Ngọc P, sinh năm 1989;

Địa chỉ: 4/11 đường D, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2021 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/01/2020, ông Bùi Ngọc P có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 19.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực các giao dịch với tổng số tiền là 94.466.038 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông P đã thanh toán Ngân hàng số tiền 79.415.646 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/02/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ.

Tính đến ngày 22/03/2021, ông Bùi Ngọc P còn nợ các khoản sau:

+ Nợ gốc: 21.922.765 đồng

+ Lãi quá hạn: 789.000 đồng

Tổng cộng: 22.720.765 đồng

Mặc dù Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông P phải thanh toán ngay một lần toàn bộ khoản tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn, ông Bùi Ngọc P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Ngân hàng yêu cầu ông P thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 12/7/2022 là 36.315.265 đồng (trong đó nợ gốc là 21.922.765 đồng và lãi quá hạn là 14.392.500 đồng), yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 13/7/2022 cho đến khi ông Bùi Ngọc P thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng đã ký ngày 07/01/2020.

Bị đơn, ông Bùi Ngọc P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư

cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – ông Bùi Ngọc P. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 4, quận T thì ông P có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 4/11 Nguyễn Cảnh Di, Phường 4, quận T, thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Bị đơn là ông Bùi Ngọc P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân đã ký ngày 07/01/2020, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định ông Bùi Ngọc P có sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch và có phát sinh dư nợ nhưng không thanh toán. Số nợ tính đến ngày 12/7/2022 là 36.315.265 đồng (trong đó nợ gốc là 21.922.765 đồng và lãi quá hạn là 14.392.500 đồng).

Việc Ngân hàng yêu cầu ông Bùi Ngọc P phải có trách nhiệm thanh toán số tiền là 36.315.265 đồng (trong đó nợ gốc là 21.922.765 đồng và lãi quá hạn là 14.392.500 đồng) và tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 13/7/2022 cho đến khi ông P thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân đã ký ngày 07/01/2020 là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; ông Bùi Ngọc P có trách nhiệm trả số tiền 36.315.265 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 1.815.763 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc ông Bùi Ngọc P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số 36.315.265 (ba mươi sáu triệu ba trăm mười lăm nghìn hai trăm sáu mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 21.922.765 (hai mươi một triệu chín trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/7/2022 là 14.392.500 (mười bốn triệu ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm) đồng. Ngoài ra, ông P còn có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 13/7/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân do ông Bùi Ngọc P ký ngày 07/01/2020.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.815.763 (một triệu tám trăm mười lăm nghìn bảy trăm sáu mươi ba) đồng do ông Bùi Ngọc P phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 568.025 (năm trăm sáu mươi tám nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0030443 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, TP. Hồ Chí Minh.

3/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Sâm